

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM
Số:11/2021/QĐST – DS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 08 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 165/2020/TLST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kỳ Ph – Giám đốc phòng giao dịch N - Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Kon Tum,

Địa chỉ: Số X đường H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Bị đơn: Ông Thao Th;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các cháu Y Th; Y D; Thao V; người đại diện theo pháp luật của Y Th; Y D; Thao V là ông Thao Th;

Bà Y L; người giám hộ cho bà Y L là chị Y S (con gái);

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán nợ vay:

Ngày 09-5-2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Thao Th và bà Y Đ ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/11033783/HĐTD với số tiền gốc cho vay là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), thời hạn vay 11 tháng, mục đích vay để

chăn nuôi heo (lợn). Mức lãi suất cho vay trong hạn 8,5%/năm và điều chỉnh theo định kỳ, mức lãi suất quá hạn tính bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn.

Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, bà Y Đ lại bị bệnh hiểm nghèo và đã chết vào tháng 12 năm 2019. Tính đến ngày nộp đơn khởi kiện (10/11/2020) ông Thao Th còn nợ lại tiền gốc vay là 74.300.000đ (Bảy mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) và lãi. Trong quá trình tham gia giải quyết vụ án ông Thao Th đã trả được 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc. Nên nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc vay từ 74.300.000đ (*Bảy mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) xuống còn 54.300.000đ (Năm mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Tính đến ngày hòa giải (ngày 31/3/2021) thì ông Thao Th còn dư nợ tiền gốc vay 54.300.000đ, tiền lãi trong hạn 8.602.764đ, tiền lãi quá hạn 4.301.382đ. Tổng cả nợ gốc và lãi là 67.204.146đ (*Sáu mươi bảy triệu, hai trăm không bốn nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng*).

Các đương sự thỏa thuận thống nhất tính đến hết ngày 08/4/2021 (ngày án có hiệu lực pháp luật) ông Thao Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ dư nợ tiền gốc 54.300.000đ, tiền lãi trong hạn 8.724.158đ, tiền lãi quá hạn là 4.362.079đ. Tổng cả nợ gốc và lãi là 67.386.237đ (*Sáu mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng*).

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận thỏa thuận giữa Ngân hàng Đ với ông Thao Th: Kể từ ngày 09-4-2021 nếu ông Thao Th chậm thanh toán tiền thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành xong nợ. Bên vay phải chịu sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Mức lãi suất Tòa án quyết định cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Thao Th chịu trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm trả chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

2.4. Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Nếu hết ngày 08-4-2021 ông Thao Th không hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền dư nợ gốc, lãi và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định trên thì Ngân hàng TMCP Đ được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tài sản bảo đảm: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất: Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 455723 do Sở T tỉnh Kon Tum cấp ngày 29/8/2017 cho ông Thao Th và bà Y Đ.

Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì ông Thao Th phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đ. Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho ông Thao Th.

2.5. Về án phí:

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Thao Th phải nộp 1.684.000đ (*một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại 2.028.000đ (*Hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002564 ngày 18-11-2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn; NLQ;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu: HSPA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo